

Số: 47/2024/QĐST-LĐ

Tân Uyên, ngày 05 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Đậu Thị Loan.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Ngọc Yến - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp: Ông Phạm Văn Giáp - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân thành phố T mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 49/2024/TLST-VLĐ ngày 02 tháng 7 năm 2024 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 49/2024/QĐST-LĐ ngày 26 tháng 8 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc lao động:* Ông Trần Thanh Đ, sinh năm 1989; nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang; tạm trú: 157 đường N, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1993; nơi cư trú: Số nhà D, Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Công ty Cổ phần O; địa chỉ: Thửa đất 478, 40, Tờ bản đồ 13, 14, Tô E, đường Đ, khu phố Ô, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần O: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1990; nơi cư trú: Khu phố L, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3. Bảo hiểm Xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Đường Đ, khu phố E, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của Bảo hiểm Xã hội thành phố T: Ông Nguyễn Hữu B, chức vụ: Phó giám đốc. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết ông Trần Thanh Đ trình bày: Từ khoảng tháng 11/2007 đến tháng 6/2009 ông Trần Thanh Đ làm việc tại Xí nghiệp C1 – Công ty Cổ phần C2 (Nay là Công ty TNHH Một thành viên C3), có tham gia bảo hiểm xã hội với mã BHXH số: 9107260641. Sau khi nghỉ làm đã liên hệ với Cơ quan Bảo hiểm xã hội làm thủ tục nhận tiền bảo hiểm và đã được Cơ quan Bảo hiểm xã hội thị xã (Nay là thành phố) Dĩ An chấp thuận cho rút Bảo hiểm xã hội một lần. Từ ngày 14/6/2014 đến ngày 10/6/2022, ông Trần Thanh Đ làm việc tại Công ty TNHH Q và có tham gia bảo hiểm xã hội với mã BHXH số: 7411266102. Ngày 10/6/2022, ông Trần Thanh Đ xin nghỉ việc. Khi ông Trần Thanh Đ rút Bảo hiểm xã hội thì cơ quan Bảo hiểm xã hội rà soát và phát hiện hồ sơ bảo hiểm của ông bị trùng. Cụ thể, trong khoảng thời gian từ tháng 9/2008 đến tháng 7/2010 ông Trần Thanh Đ đang làm việc tại Xí nghiệp chế biến gỗ D – Công ty Cổ phần C2 và có tham gia bảo hiểm xã hội với mã BHXH số: 9107260641, nhưng trong khoảng thời gian này ông Trần Thanh Đ đã cho ông Nguyễn Văn C (Là em ruột) sử dụng thông tin cá nhân của ông để giao kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần O và tham gia bảo hiểm xã hội với mã BHXH số 7411266102. Ông Đ đã nhiều lần liên hệ với Bảo hiểm xã hội thành phố Tân Uyên nhưng không điều chỉnh được. Vì vậy, ông Đ yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Trần Thanh Đ (Do ông Nguyễn Văn C ký kết) và Công ty Cổ phần O (Thời gian làm việc từ tháng 11/2007 đến tháng 6/2009) bị vô hiệu. Không yêu cầu xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu

- Ông Nguyễn Hữu B là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương (viết tắt là BHXH) trình bày: Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu của ông Trần Thanh Đ, sinh năm 1989, số CCCD 093089010790 được Công ty Cổ phần O tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (BHTNLD-BNN), với mã số BHXH 7411266102 từ tháng 9/2008 đến tháng 7/2010. Chưa hưởng BHXH một lần, chưa hưởng trợ cấp BHTN. Về các yêu cầu của ông Trần Thanh Đ thì Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi của người lao động khi tham gia BHXH trên cơ sở nguyên tắc đóng – hưởng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C trình bày: Ông

và ông Đ có quan hệ là anh em ruột. Năm 2008, ông chưa đủ tuổi để ký kết hợp đồng lao động nên đã nhờ chứng minh nhân dân của ông Đ để xin vào làm việc tại Công ty Cổ phần O và tham gia đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 9/2008 đến tháng 7/2010. Nay, ông C thống nhất toàn bộ yêu cầu của ông Đ và đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Trần Thanh Đ với Công ty Cổ phần O (Thời gian làm việc từ tháng 9/2008 đến tháng 7/2010) là vô hiệu. Ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết bất kỳ quyền lợi nghĩa vụ gì liên quan đến ông trong việc tuyên bố hợp đồng vô hiệu.

- Bà Nguyễn Thị H là đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần O trình bày: Việc ông C mượn hồ sơ của ông Đ để tham gia ký kết hợp đồng lao động với Công ty thì thời điểm tuyển dụng Công ty không phát hiện được việc người lao động sử dụng hồ sơ giả. Theo hồ sơ lưu trữ trên máy tính thì ông Đ ký hợp đồng lao động với Công ty từ tháng 9/2008 đến tháng 7/2010 thì nghỉ việc, hiện quan hệ lao động giữa Công ty với ông Đ đã chấm dứt, do ông Đ nghỉ việc đã lâu nên hồ sơ lao động của ông Đ không còn lưu trữ tại Công ty. Lỗi dẫn đến việc ký kết hợp đồng với ông Đ (Nhưng ông C mới là người thực tế làm việc tại Công ty) là do ông Đ và ông C. Nay ông Đ yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Trần Thanh Đ với Công ty Cổ phần O (Thời gian làm việc từ tháng 9/2008 đến tháng 7/2010) là vô hiệu, Công ty hoàn toàn đồng ý. Công ty đã chốt sổ bảo hiểm cho ông Đ.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên họp:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết việc lao động Thẩm phán và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết việc dân sự: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc lao động, đã được xem xét tại phiên họp, nhận thấy yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Trần Thanh Đ với Công ty Cổ phần O (Thời gian làm việc từ tháng 9/2008 đến tháng 7/2010) là vô hiệu của người yêu cầu ông Trần Thanh Đ là có căn cứ nên đề nghị Tòa án chấp nhận.

Những yêu cầu, kiến nghị đề khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Người yêu cầu; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự nói trên theo khoản 2, khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quá trình tố tụng các đương sự thống nhất trình bày: Trong thời gian từ tháng 9/2008 đến tháng 7/2010, người lao động tên **Trần Thanh Đ**, sinh ngày 13/7/1989, số CCCD 093089010790 được **Công ty Cổ phần O** tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là 7411266102. Quan hệ lao động giữa **Công ty Cổ phần O** và ông **Trần Thanh Đ** phát sinh từ hợp đồng lao động vào tháng 9/2008. Tuy nhiên, ông **Trần Thanh Đ** và ông **Nguyễn Văn C** thừa nhận người ký hợp đồng lao động với **Công ty Cổ phần O** và thực tế làm việc tại **công ty T** khoảng thời gian từ tháng 9/2008 đến tháng 7/2010 là ông **Nguyễn Văn C** chứ không phải ông **Trần Thanh Đ**. Do ông **C** chưa đủ tuổi làm chứng minh nhân dân và ký hợp đồng lao động nên ông **Đ** đã cho ông **C** mượn chứng minh nhân dân để đi làm việc. Trình bày của ông **Đ** và ông **C** phù hợp với hồ sơ bảo hiểm xã hội, cụ thể trong thời gian từ tháng 9/2008 đến tháng 7/2010 ông **Đ** có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại **Công ty Cổ phần O** và **Công ty Cổ phần C2** (Nay là **Công ty TNHH Một thành viên C3**).

[2.2] Xét thấy, việc ông **Nguyễn Văn C** sử dụng chứng minh nhân dân của ông **Trần Thanh Đ** để giao kết hợp đồng lao động với **Công ty Cổ phần O** là hành vi gian dối. Hành vi trên đã vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động nên thuộc trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ theo khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động.

[2.3] Quá trình làm việc, **Bảo hiểm xã hội thành phố T** đã cung cấp thông tin về thời gian đóng bảo hiểm xã hội của ông **Trần Thanh Đ** bị trùng từ tháng 9/2008 đến tháng 7/2010. Do đó, ông **Đ** yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa **Công ty Cổ phần O** với ông **Trần Thanh Đ** từ tháng 9/2008 đến tháng 7/2010 vô hiệu là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[4] Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên họp là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về lệ phí: Ông **Trần Thanh Đ** phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 33, 39, 149, 367, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Các Điều 15, 16, 49, 50 và 51 của Bộ luật Lao động;
- Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của ông **Trần Thanh Đ**.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông **Trần Thanh Đ**, sinh năm 1989; địa chỉ: **Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang** với **Công ty Cổ phần O**, thời gian từ tháng 9/2008 đến tháng 7/2010 bị vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Ông **Trần Thanh Đ** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0000067 ngày 24/6/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Đậu Thị Loan